

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày 01/3/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cần Thị Thành và ông Hoàng Minh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số A, Hàng V, quận K, TP. Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn C; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ - Là người đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 804/QQĐ-B ngày 22/8/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Trần Văn H, chức vụ Giám đốc phòng giao dịch huyện Đ là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 962A/QĐ - B. ĐNO ngày 22/8/2019 của Giám đốc Chi nhánh Đ.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1964; vắng mặt.

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn H; vắng mặt.

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Trần Văn H người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/3/2019 Ngân hàng TMCP Đ đã ký hợp đồng tín dụng số: 01/2019/8534586/HĐTD với bà Nguyễn Thị M, ông Hoàng Văn H vay số tiền

600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*), mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh mua bán tạp hóa, thời hạn vay 11 tháng (*kể từ ngày ký hợp đồng*), lãi suất là 11%/ năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà M và ông H trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 12.295.890 đồng (*Mười hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng*), không trả khoản gốc nào.

Để bảo đảm vốn vay bà M, ông H ký hợp đồng thế chấp số 01/ 2016/8534586/HĐTC ngày 05/05/2016. Tài sản đảm bảo gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 319517 do UBND huyện Đ cấp ngày 26/04/2016, mang tên Hoàng Văn H, Nguyễn Thị M, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 94, diện tích: 375,6 m², đất tọa lạc tại T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Hiện nay, bà M và ông H đã vi phạm các kỳ trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bằng văn bản nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng.

Do đó, Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu bà M, ông H phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: 01/2019/8534586/HĐTD ngày 29/3/2019 với số tiền gốc là 600.000.000đồng và tổng tiền lãi là 148.002.740 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 114.821.918 đồng, lãi quá hạn 33.180.822 đồng). Tổng cả gốc và lãi là 748.002.740 đồng (*tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021*).

Kể từ ngày 02/3/2021, bà M, ông H tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo Hợp đồng tín dụng đã ký số 01/2019/8534586/HĐTD ngày 29/3/2019, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp bà M và ông H không thực hiện trả nợ hoặc thực hiện trả nợ không đầy đủ. Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 319517 do UBND huyện Đ cấp ngày 26/04/2016, mang tên Hoàng Văn H, Nguyễn Thị M, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 94, diện tích: 375,6 m², đất tọa lạc tại T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, tại hợp đồng thế chấp số 01/2016/8534586/HĐTC ngày 05/05/2016 để thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà M, ông H cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết mọi khoản nợ thì bà M, ông H có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H: Theo kết quả xác minh tại địa phương thì bà M và ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay đã bỏ đi đâu không thông báo cho Ngân hàng cũng như chính quyền địa phương biết. Vì vậy, Ngân hàng đã nhắn tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và báo Trung ương theo quy định về thông báo tìm kiếm cũng như thời hạn làm việc. Trên cơ sở đó Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định tất cả các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà M và ông H nhưng không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã lập các biên bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm

phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành quá trình tham gia tố tụng.

-Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 173, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Các Điều 280, Điều 282, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, buộc bà Nguyễn Thị M, ông Hoàng Văn H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà M, ông H không thanh toán số nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 01/2016/8534586/HĐTC ngày 05/05/2016. Tài sản đảm bảo gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 319517 do UBND huyện Đ cấp ngày 26/04/2016, mang tên Hoàng Văn H, Nguyễn Thị M, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 94, diện tích: 375,6 m², đất tọa lạc tại T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp số tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà M, ông H phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H phải trả số tiền gốc 600.000.000 đồng và tổng tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là 148.002.740 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 114.821.918 đồng, lãi quá hạn 33.180.822 đồng). Tổng cả gốc và lãi là 748.002.740 đồng (*Bảy trăm bốn mươi tám triệu không trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*). Hiện nay, bà M và ông H có đăng ký hộ khẩu tại xã N, huyện Đ. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Căn cứ kết quả xác minh hiện nay bị đơn và người liên quan không còn sinh sống tại địa phương nên để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã đề nghị Ngân hàng thông báo nhắn tin tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà M và

ông H không chấp hành. Vì vậy, Tòa án lập các biên bản theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc đương sự không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Xét nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/8534586/HĐTD ngày 29/3/2019 khoản vay trên bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H đã đề quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; mục đích vay vốn là phục vụ kinh doanh mua bán hàng tạp hóa. Hiện nay, khoản vay này đã quá hạn, nguyên nhân bà M và ông H không có mặt tại địa phương, đi làm ăn xa không rõ địa chỉ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà M và ông H chỉ trả được số tiền lãi là 12.295.890 đồng. Tính đến ngày xét xử bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) và tiền lãi của hợp đồng tính đến ngày 01/3/2021, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên hợp đồng về lãi suất các bên thỏa thuận, sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả thì bà M và ông H còn nợ lãi là 148.002.740 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 114.821.918 đồng, lãi quá hạn 33.180.822 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi của là 748.002.740 đồng (*Bảy trăm bốn mươi tám triệu không trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*). Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất thế chấp bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 01/ 2016/8534586/HĐTC ngày 05/05/2016, đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 94, diện tích: 375,6 m², đất tọa lạc tại T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Việc thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng V. Trường hợp đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích bà M và ông H được cấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản đứng tên ông H và bà M đã thế chấp, phù hợp với quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[3.3] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà M và ông H không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3.4] Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của bà M và ông H để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

[3.5] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 02/3/2021. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì bà M và ông H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 01/2019/8534586/HĐTD ngày 29/3/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì bà M và ông H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng như đã thể hiện trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng khác:*

[5.1] Về chi phí nhắn tin: Căn cứ Điều 180 BLTTDS: Ngân hàng TMCP Đ tự thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Nên lệ phí Thông báo này Ngân hàng phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5.2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 1.800.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*).

[6] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 748.002.740 đồng (*Bảy trăm bốn mươi tám triệu không trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*) = 20.000.000 đồng + (04% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng (là 348.002.740 đồng x 4%) = 13.920.109 đồng. Tổng cộng án phí phải chịu là 33.920.109 đồng (*Ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn một trăm linh chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 173, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Các Điều 280, Điều 282, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi là 748.002.740 đồng (*Bảy trăm bốn mươi tám triệu không trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*); trong đó tiền gốc là 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*); lãi trong hạn là 114.821.918 đồng, lãi quá hạn 33.180.822 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 01/3/2021.

Kể từ ngày 02/3/2021, bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8534586/HĐTD ngày 29/3/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8534586/HĐTC ngày 05/05/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm để xử lý và thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp trên gồm:

ST T	Số GCNQSD D	Nơi phát hành	Ngày phát hành và nguồn gốc (NG)	Số hợp đồng thế chấp	Ngày ký HĐTC	Số thửa	Tờ bản đồ	Địa chỉ
01	CD 319517	UBND huyện Đ	Cấp ngày 26/4/2016	Số 01/2016/8534586/HĐTC ngày 05/05/2016	05/05/2016	05	94	T10, xã N

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định

2. Về chi phí tố tụng khác:

2.1. Về chi phí nhắn tin: Căn cứ Điều 180 BLTTDS: Ngân hàng TMCP Đ tự thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Nên lệ phí Thông báo này Ngân hàng phải chịu theo quy định của pháp luật.

2.2. Về chi phí thẩm định: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.800.000 đồng, buộc bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H phải chịu và hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn H phải nộp là 33.920.109 đồng (*Ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn một trăm linh chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 14.535.000 đồng (*Mười bốn triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000299 ngày 14/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà